

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày 14/4/2022

V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Ba.
2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà B, số 109 đường Y, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Minh H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Dung Quất (là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày

20/6/2017 của Tổng giám đốc và số 2696/2021/QĐ-LPB.DQ ngày 25/10/2021 của Giám đốc Chi nhánh).

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976 và ông Bùi Thanh L, sinh năm: 1974; cùng cư trú: Xóm Chí Hoà, thôn Phú Lễ 1, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn (Ngân hàng Thương mại Cổ phần A) trình bày:

Ngày 29/10/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết là Ngân hàng A) - Chi nhánh Dung Quất - Phòng giao dịch Bình Sơn cho bà Phạm Thị H và ông Bùi Thanh L (sau đây viết tắt là bà H, ông L) vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4022019416, ngày 29/10/2019, cụ thể như sau:

Số tiền đã nhận nợ: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); mục đích vay: Cho vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; kỳ hạn trả gốc: Gốc trả trong 36 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 tháng, số tiền phải trả từ kỳ 01 đến kỳ thứ 48 là 1.250.000 đồng, ngày trả vào ngày 30 hàng tháng; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả vào ngày 30 hàng tháng

Lãi suất cho vay trong hạn: 16,4%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu tiên, các tháng tiếp theo được áp dụng theo phương thức điều chỉnh lãi suất. Phương thức điều chỉnh lãi suất từ tháng thứ 4 trở đi như sau: Thả nổi và định kỳ điều chỉnh 3 tháng 1 lần; lãi suất cho vay được xác định bằng: lãi suất huy động tiết kiệm thường 13 tháng, trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng A dành cho Khách hàng cá nhân tại thời điểm áp dụng cộng (+) biên độ tối thiểu 8,4%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày chuyển nợ quá hạn là 09/11/2020 và lãi suất áp dụng theo khoản 2.4 điều 2 của hợp đồng tín dụng).

Đối với dư nợ gốc không trả nợ đúng hạn thì Ngân hàng thu lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (được quy định tại khoản 5.3 điều 5 của hợp đồng tín dụng); công thức tính nợ quá hạn áp dụng

theo khoản 4.5 điều 4 của hợp đồng tín dụng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi vay tiền, bà H và ông L nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi của mình. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay, bà H và ông L không thực hiện việc thanh toán khoản vay cho Ngân hàng A nên toàn bộ khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/4/2022, bà H và ông L còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền 57.660.068 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 44.249.964 đồng, nợ lãi 13.410.104 đồng.

Vì bà H và ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thuận tại hợp đồng nêu trên, mặc dù Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc, yêu cầu bà H và ông L trả nợ, bà nhiều lần cam kết thực hiện nghĩa vụ nhưng đến nay, bà H và ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Vì vậy, nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H và ông L trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng A và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/4/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

Tại biên bản làm việc ngày 21/02/2022, bị đơn là bà Phạm Thị H trình bày như sau:

Bà xác nhận bà và ông L có vay của Ngân hàng A số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HDTD4022019416 ngày 29/10/2019 đúng như Ngân hàng A đã trình bày, khởi kiện.

Sau khi vay tiền, do điều kiện kinh tế khó khăn, không có nguồn thu nhập ổn định nên ông bà không có điều kiện trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng A dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông bà trả nợ thì bà thừa nhận ông bà có vay tiền, còn nợ số tiền như Ngân hàng A yêu cầu. Tuy nhiên, hiện nay ông bà đang gặp khó khăn nên ông bà không có điều kiện để trả một lần toàn bộ khoản nợ, bà mong muốn Ngân hàng A tạo điều kiện cho ông bà được trả dần khoản nợ hàng tháng cho đến khi trả xong khoản nợ.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự,

tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bà H và ông Lvi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, hiện nay khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 91, 92, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bà H và ông L trả cho Ngân hàng A số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2022 là 57.660.068 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng),, trong đó nợ gốc 44.249.964 đồng, nợ lãi 13.410.104 đồng và tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh từ 15/4/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ vay cho Ngân hàng A; buộc bà H và ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Hải là đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà H và ông L vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn (Ngân hàng A) đưa ra, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4022019416 ngày 29/10/2019 do Ngân hàng A cung cấp và trình bày của

bà Hải, bà H trong quá trình giải quyết, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng A cho bà H, ông L vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; kỳ hạn trả gốc: Gốc trả trong 36 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế và có các nội dung thỏa thuận khác như Ngân hàng A đã trình bày.

[2.2] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ do Ngân hàng A cung cấp và sự thừa nhận của bà H đã thể hiện bà H, ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, bà H, ông L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A.

Tính đến ngày 14/4/2022, bà H, ông L còn nợ Ngân hàng A số tiền là 57.660.068 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 44.249.964 đồng, nợ lãi 13.410.104 đồng.

bà H, ông L là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà H, ông L trả nợ nêu trên là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định buộc bà H, ông L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 15/4/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản vay.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.3.1] bà H, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.883.000 đồng (hai triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[2.3.2] Hoàn trả lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng A .

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín

dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Phạm Thị H và ông Bùi Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2022 là 57.660.068 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 44.249.964 đồng, nợ lãi 13.410.104 đồng và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 15/4/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4022019416 ngày 29/10/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản vay.

3. Buộc bà Phạm Thị H và ông Bùi Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.883.000 đồng (hai triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

4. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.318.000 đồng (một triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000393 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô